

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC
NGUYỄN THỊ THU TRANG. Chính sách pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 9 38 01 02

Bạo lực gia đình (BLGD) là vấn đề mang tính toàn cầu, gây nhức nhối cho nhân loại, để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. Ở Việt Nam hiện nay, BLGD đang diễn biến theo chiều hướng phức tạp. Chính vì vậy, phòng, chống BLGD là trách nhiệm của mỗi công dân, từng gia đình, các cơ quan, tổ chức và của toàn thể xã hội. Chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD đặc biệt có ý nghĩa về mặt chính trị, xã hội và pháp lý, cũng như ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng. Luận án góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật phòng, chống BLGD ở Việt Nam, gồm bốn chương nội dung: 1. *Tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến đề tài luận án*; 2. *Những vấn đề lý luận về chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD ở Việt Nam*; 3. *Thực trạng chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD ở Việt Nam hiện nay*; 4. *Quan điểm và giải pháp hoàn thiện chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD ở Việt Nam*. Dưới đây là một số kết quả nổi bật của Luận án.

Ở Việt Nam, BLGD thể hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau, nhưng chủ yếu là bốn dạng thức như: bạo lực tinh thần, bạo lực thân thể (bạo lực thể chất), bạo lực tình dục, bạo lực kinh tế. Trong đó, bạo lực về thể chất vẫn là hình thức bạo lực phổ biến nhất, có số vụ bạo lực cao nhất. Kết quả nghiên cứu của Luận án cho thấy, năm 2017 nếu như số vụ bạo lực tình dục là 433 vụ, bạo lực kinh tế là 1.084 vụ, bạo lực tinh

thần là 5.171 vụ, thì bạo lực thân thể là 6.509 vụ.

Đối tượng gây bạo lực có thể là bất kỳ ai trong gia đình, có cả nam giới và nữ giới, tuy nhiên, chủ yếu là nam giới. Theo kết quả nghiên cứu của Luận án, số vụ BLGD do nam giới gây ra năm 2017 là 11.336 so với số vụ do nữ giới gây ra là 1.410 (gấp hơn 8 lần); mặc dù vụ việc bạo lực do cả nam và nữ gây ra có xu hướng giảm dần trong 15 năm qua, nhưng số vụ việc do nam giới gây ra năm 2021 là 4.337 vụ so với số vụ do nữ giới gây ra là 439 vụ (tăng gấp 9,89 lần).

Nạn nhân của BLGD gồm cả nam và nữ, với mọi lứa tuổi, nhưng chủ yếu vẫn là những thành viên yếu thế, dễ bị tổn thương, và trong hầu hết các trường hợp là phụ nữ, người già và trẻ em. Theo số liệu tổng hợp của Luận án, nạn nhân của BLGD năm 2017 là phụ nữ cao gấp nhiều lần so với nạn nhân là nam giới (10.370 so với 1.937). Kết quả điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 (công bố năm 2020) cũng cho thấy, cứ 3 phụ nữ thì có gần 2 phụ nữ (62,9%) từng chịu ít nhất một hình thức bạo lực thể xác, tinh dục, tinh thần, kinh tế hay kiểm soát hành vi do chồng/bạn tình gây ra trong đời và tỷ lệ bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua) là 31,6%. Cũng theo số liệu thống kê của Luận án, trong số các vụ BLGD có 96% là bạo lực giữa vợ và chồng; các vụ bạo lực giữa con cái với cha mẹ cao tuổi và giữa cha mẹ với con cái (con cái trưởng thành hoặc con cái vị thành niên) không nhiều, chiếm khoảng 10% và 5,3% là hình thức bạo lực giữa các thành viên khác trong gia đình.

Hậu quả của BLGD là hết sức nặng nề và thường dẫn đến phá vỡ sự bền vững của gia đình. Theo thống kê của ngành tòa án, trong số 1.384.660 vụ án ly hôn mà tòa án đã giải quyết, có gần 1.060.770 vụ có

nguyên nhân từ BLGD (chiếm 76,6%). Báo cáo của ngành tư pháp cũng cho thấy, năm 2014 tiếp nhận hòa giải 31.528 vụ việc BLGD, năm 2015 là 33.966 vụ. Bên cạnh đó, BLGD còn gây ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần của nạn nhân. Kết quả nghiên cứu quốc gia về BLGD chỉ ra rằng, phụ nữ bị bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực thể xác có sức khỏe kém hơn so với những người không bị bạo lực. Khoảng 15% phụ nữ bị bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực thể xác trong đời do chồng gây ra sức khỏe xấu và rất xấu, trong khi có khoảng 9% phụ nữ không bị bạo lực có tình trạng sức khỏe xấu tương tự. BLGD cũng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình trạng kinh tế của cá nhân, gia đình và quốc gia. Theo thống kê, tại Việt Nam, BLGD đã làm tổn hại tinh thần, ảnh hưởng tới kinh tế và năng suất lao động, ước tính gây thiệt hại khoảng 1,78% GDP mỗi năm. Theo báo cáo điều tra của Tổng cục Thống kê, gần 1/3 phụ nữ bị lạm dụng trong đó có BLGD cho biết công việc của họ bị gián đoạn, 16% không thể tập trung vào công việc, 6,6% không có khả năng làm việc do đau ốm và 7% mất tự tin do hậu quả của BLGD; trung bình bị thiệt hại gần 20% thu nhập tiềm năng hằng tháng. Ước tính ở cấp vĩ mô về tổn thất do BLGD gây ra chiếm đến 1,41% GDP của Việt Nam.

Theo số liệu báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam năm 2022, từ khi Luật Phòng, chống BLGD có hiệu lực năm 2008, số vụ BLGD theo tỉnh/thành phố trên cả nước từ năm 2009 đến năm 2021 nhìn chung giảm đáng kể, năm 2009 là 53.206 vụ, giảm xuống còn 19.274 vụ trong năm 2015 và 4.967 vụ trong năm 2021. Tuy nhiên, con số đó dường như khác xa so với thực tế được tổng hợp từ các nguồn tài liệu khác. Sự không đồng nhất trong số liệu thống kê, báo cáo của các cơ quan ban ngành ở Trung ương và địa phương có thể xuất phát từ nhiều lý do nhưng điểm chung trong các số liệu thống kê về BLGD ở Việt

Nam là phản ánh mức độ diễn biến phức tạp, khó lường của BLGD. Điều này cũng phản ánh tình trạng ảm của các vi phạm pháp luật phòng, chống BLGD.

Nghiên cứu thực tiễn của Luận án cho thấy, chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD ở Việt Nam đã thể hiện trong ngành luật về phòng, chống BLGD và một số ngành luật khác có liên quan đã biểu hiện rõ những ưu điểm nổi trội và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như: hoạt động xây dựng, tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD và việc tổ chức, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống BLGD được quan tâm tăng cường; hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống BLGD được chú trọng; chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD được xây dựng bằng các cơ chế dân chủ và công khai để đảm bảo sự thể hiện cao nhất, đầy đủ nhất ý chí và chủ quyền của nhân dân; công tác ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống BLGD triển khai thực hiện cụ thể, kịp thời; công tác phối hợp liên ngành thống nhất;... Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, chính sách pháp luật về phòng, chống BLGD trong thực hiện còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót nhất định. Những hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan.

Luận án đã phác họa lên bức tranh về thực trạng BLGD, dù còn thiếu nhiều mảnh ghép và chưa thực sự phản ánh đầy đủ, chính xác về nạn BLGD ở Việt Nam nhưng có thể xem là những hình dung cơ bản để gợi mở cho các đề xuất về xây dựng chính sách phòng, chống BLGD nói chung, chính sách pháp luật phòng, chống BLGD nói riêng Việt Nam hiện nay.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội năm 2023.

TA.
giới thiệu